

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
Môn: LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Số tín chỉ: 02

- Lý thuyết: 01
- Thực hành: 01

2. Đối tượng học: Bậc học: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Khmer

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Khmer

Hệ: Chính quy.

3. Điều kiện tiên quyết/song hành: Không.

4. Mục tiêu/Kết quả học tập của môn học: Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

4.1. Về kiến thức:

- Xác định các quy luật và hình thức cơ bản của tư duy chân thực;

4.2. Về kỹ năng nghề nghiệp:

- Thực hiện các thao tác logic đối với khái niệm;
- Xác định giá trị chân lí của các phán đoán, lập luận;
- Xây dựng, phân tích các phán đoán, lập luận chân thực;
- Bác bỏ các khái niệm, phán đoán, suy luận sai lầm, ngụy biện.

4.3. Về thái độ và kỹ năng mềm:

- Ý thức tư duy có logic;
- Tôn trọng các quy luật khách quan trong cuộc sống và công việc;
- Tôn trọng giá trị chân thực trong lập luận, tranh luận.

5. Nội dung môn học:

Chủ đề/bài học	Số tiết		
	Lý thuyết	Thực hành	HT khác
1. Đại cương về logic học 1.1. Khái niệm logic học 1.2. Lịch sử 1.3. Phân loại 1.4. Vị trí, vai trò	04	04	Tự học
2. Những quy luật cơ bản của tư duy 2.1. Khái niệm quy luật 2.2. Quy luật đồng nhất 2.3. Quy luật triết tam 2.4. Quy luật cầm mâu thuẫn 2.5. Quy luật lí do đầy đủ	04	06	Tự học
3. Những hình thức cơ bản của tư duy 3.1. Khái niệm 3.2. Phán đoán 3.3. Suy luận 3.5. Chứng minh, bác bỏ, ngụy biện	07	20	Tự học

6. Đánh giá:

❖ Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- ❖ Điểm quá trình: 50%, bài tập, báo cáo hoặc kiểm tra (tự luận)
- ❖ Điểm kết thúc: 50%, thi trắc nghiệm hoặc tự luận

(Hoặc thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường)

❖ **Nội dung đánh giá cuối môn học:** Từ chủ đề 1 đến chủ đề 3.

7. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

Lê Tử Thành. 2005. *Nhập môn Logic học*. TP. Hồ Chí Minh: Trẻ.

Vương Tất Đạt và Nguyễn Thị Vân Hà. 2011. *Phương pháp giải bài tập logic học*. Hà Nội: Giáo dục Việt Nam.

- Sách tham khảo:

Hoàng Chung. 1994. *Logic học phổ thông*. Hà Nội: Giáo dục.

Vương Tất Đạt. 1998. *Logic học đại cương*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo

3. Aristotle (1964), *Nghệ thuật thơ ca*, Lê Thành Bảng và cộng sự dịch, NXB Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
4. Lê Văn Dương, Lê Đình Lực (2007), *Mĩ học đại cương*, NXB Giáo dục.
5. Heggen (2006), *Mĩ học*, Phan Ngọc giới thiệu và dịch, NXB Văn học.
6. Lưu Hiệp (2007), *Văn tâm điêu long*, Phan Ngọc dịch, NXB Lao động, Hà Nội.
7. Đỗ Huy (1984), *Cái đẹp, một giá trị*, NXB Thông tin Lí luận.
8. Đỗ Huy (1996), *Mĩ học với tư cách là một khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia.
9. Đỗ Huy (2001), *Mĩ học: khoa học về các quan hệ thẩm mĩ*, NXB Khoa học Xã hội.
10. Đỗ Huy (2006), *Mĩ học Mác - Lenin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Immanuel Kant (2007), *Phê phán năng lực phán đoán*, Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú thích, NXB Tri thức.
12. Đỗ Văn Khang (chủ biên) 1997, *Mĩ học đại cương*, NXB Giáo dục.
13. Diệp Lang (2014), *Đại cương lịch sử mĩ học Trung Quốc*, Nguyễn Quang Hà dịch, NXB Thế giới.
14. Vũ Minh Tâm (1998), *Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ*, NXB Giáo dục.
15. Chu Quang Tiềm (2005), *Tâm lý văn nghệ*, NXB Thanh niên.
16. Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh (1984), *Đi tìm cái đẹp*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

Trà Vinh, ngày 5 tháng 3 năm 2018

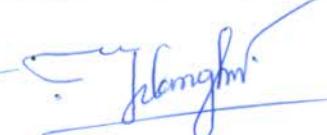
Bộ môn Ngôn ngữ Khmer

Giảng viên phản biện

Giảng viên biên soạn


Nguyễn Thị Thoa


Phạm Thị Tố Thy


Nguyễn Đăng Hải